

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH HƯNG YÊN**

Bản án số: 127/2020/ HNGĐ- ST

Ngày: 27/10/2020

V/v: "*Li hôn*"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Ngọc Lâm**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Phan Xuân Hùng**

Bà Vũ Thị Diệu Thúy

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Oanh**- Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND thị xã M tham gia phiên tòa: **Bà Phạm Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 27/10/2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã M , tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2020/TLST - HNGĐ ngày 15/9/2020 về việc “Li hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/10/2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã H thị xã M , tỉnh Hưng Yên

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường P, thị xã M , tỉnh Hưng Yên. Nơi điều trị bệnh hiện nay: Trung tâm điều dưỡng tâm thần kinh tỉnh Hưng Yên (Địa chỉ: thôn Dn, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên)

* **Người giám hộ cho anh Linh:** Bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ của anh Linh) (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Quan Cù, phường Phan Đình Phùng, thị xã M , tỉnh Hưng Yên.

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn:** Bà Nguyễn Thu H - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt).

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Cháu: Nguyễn Nam P, sinh năm 2010 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường P, thị xã M , tỉnh Hưng Yên

* **Đại diện theo pháp luật của cháu P:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã H thị xã M , tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Phạm Thị T tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị và anh L kết hôn tự nguyện được UBND xã P (nay là UBND phường P) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/12/2009. Sau khi kết hôn về chung sống thì anh L có biểu hiện tâm thần, không làm chủ được hành vi của mình. Thời điểm này bệnh tình của anh L vẫn nhẹ nên chị và gia đình không cho anh đi khám chữa. Tuy nhiên sau đó bệnh của anh L không thuyên giảm mà ngày một nặng hơn. Trong quá trình sống cùng nhau, nhiều lúc anh L lên cơn thần kinh thường xuyên không làm chủ được mình, có nhiều lúc anh L bế con và quăng luôn cháu, anh L còn thường xuyên đánh đập chị. Kể từ tháng 12/2015, do bệnh tình anh L ngày một nặng và không có dấu hiệu thuyên giảm nên gia đình anh L đã đưa anh L đến điều trị tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần kinh Hưng Yên (điều trị tập trung) kể từ đó cho đến nay anh L không về nhà. Chị đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố anh L là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và đã được Tòa án chấp nhận. Đến nay chị xác định chị và anh L không còn tình cảm với nhau, hạnh phúc gia đình không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh L được li hôn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Nam P, sinh ngày 18/11/2010. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu P, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị không có thai. Chị xác định đang làm công nhân tại Công ty H (địa chỉ: Thôn P, xã Hưng Long, thị xã M, tỉnh Hưng Yên) thu nhập 10.000.000đ/tháng và đang ở tại nhà đất của bố mẹ chị ở thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vay nợ, ruộng nông nghiệp: Chị và anh L không nợ ai, không cho ai vay nợ; anh chị không liên quan gì với nhau về ruộng nông nghiệp nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Vợ chồng chị không có công sức với hai bên gia đình nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh L xác định anh và chị T kết hôn và được UBND xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn là đúng. Anh và chị T không còn chung sống cùng nhau từ năm 2012, đến nay chị T làm đơn li hôn anh, anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T được li hôn. Về con chung anh đề nghị Tòa án giải quyết cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị C được tiếp tục nuôi cháu P thay cho anh trong thời gian anh điều trị bệnh tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần kinh Hưng Yên. Về tài sản chung, nợ, ruộng, công sức: anh xác định giữa anh và chị T không liên quan đến nhau nên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh đang điều trị bệnh tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần kinh tỉnh Hưng Yên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được nên anh đề nghị mẹ anh là bà C là người giám hộ hợp pháp cho anh trong quá trình Tòa án giải quyết yêu cầu của chị

Thuân. Sau này Tòa án đưa yêu cầu của chị T ra giải quyết, anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh và anh đề nghị Tòa án thông báo cho người giám hộ của anh là bà C trong quá trình giải quyết đơn của chị Thuân.

Theo lời khai của người giám hộ cho bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà xác định hiện nay anh L đang điều trị bệnh ở Trung tâm điều dưỡng tâm thần kinh tỉnh Hưng Yên, bà nhất trí là người đại diện cho anh Linh. Việc chị T làm đơn li hôn anh L bà nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được li hôn vì từ năm 2012 cho đến nay chị T không còn quan tâm chăm sóc anh L mặc dù anh L bị bệnh phải điều trị tại bệnh viện. Anh L chị T có 01 con chung là cháu P như lời khai của chị Thuân, hiện cháu P đang ở cùng bà, bà đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu P cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng theo đúng nguyện vọng của anh Linh. Bà xác định, hiện nay bà làm nghề tự do, làm ruộng tại địa phương, có nhà ở ổn định nên bà có đủ điều kiện để nuôi cháu P. Về tài sản chung, nợ, ruộng, công sức giữa anh L và chị T không liên quan đến nhau nên bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu P nguyện vọng ở với bà Nguyễn Thị C (là mẹ đẻ của anh Linh), cháu P xác định cháu còn nhỏ không có công sức đóng góp gì với bố mẹ nên cháu tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người mà chứng bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ chị T) trình bày: Bà xác định chị T và anh L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2009. Tuy nhiên kể từ năm 2015 cho đến nay hai anh, chị không còn ở chung và không quan tâm đến nhau nữa, chị T đã về nhà bà sinh sống từ năm 2015. Nay chị T làm đơn xin li hôn anh L, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được li hôn.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Nam P, sinh ngày 18/11/2010. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được nuôi con, hiện nay chị T đang sống tại nhà, đất gia đình bà, bà cam kết sẽ cho chị T ở cùng và sẽ cùng chị T chăm sóc cháu Phong.

Bà xác định không liên quan gì đến vợ chồng chị T về kinh tế, bà không cho anh, chị vay cũng như anh, chị không cho bà vay nợ gì.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh L bị bệnh hiện đang điều trị tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần kinh Hưng Yên, Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà C. Tuy nhiên anh Linh, bà C không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Do vậy phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay:

* Nguyên đơn Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh L được li hôn. Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Phong, chị tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ, ruộng nông nghiệp, công sức chị đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Vũ Thu H trình bày: Anh Linh, chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống do anh T mắc bệnh về tâm thần có khó khăn về nhận thức, làm chủ hành vi nên anh phải đi điều trị bệnh tập trung nên vợ chồng không chung sống thời gian quá dài làm cho tình cảm vợ chồng không được cải thiện, hạnh phúc gia đình không đạt được. Nay chị T cương quyết xin li hôn, anh L và bà C (người đại diện cho anh Linh) cũng có quan điểm nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được li hôn. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh, chị được li hôn.

Về con chung: Bà C và anh L đều có quan điểm, đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung của vợ chồng cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng trong thời gian anh L điều trị bệnh. Quan điểm của anh L và bà C cũng đồng nhất với nguyện vọng của cháu P muốn ở với ông, bà nội. Bên cạnh đó bản thân cháu P đã và đang ở cùng gia đình bà C trong thời gian dài nên để tránh sáo trộn trong sinh hoạt cũng như ổn định cuộc sống cho cháu. Đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu P cho bà C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục cháu trong thời gian anh L điều trị bệnh.

Về tài sản, công ợ, công sức, ruộng canh tác: Nhất trí với quan điểm của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M trình bày quan điểm: Toà án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được li hôn anh Linh. Giao cháu P cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên; ghi nhận tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ, ruộng, công sức do chị T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Phạm Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn L là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc li hôn. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số: 11/2020/QĐST - VDS ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã M đã tuyên bố anh L có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật và quyết định người giám hộ cho anh L là bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ của anh Linh); Bà C là người giám hộ cho anh L là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh Linh, bà C là người giám hộ cho anh Linh, cháu P đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử

vắng mặt bị đơn, người giám hộ của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Qua lời trình bày của chị T, anh Linh, bà C cũng như các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp đã phù hợp với nội dung xác minh tại UBND phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên, nên có đủ căn cứ xác định chị T, anh L đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã P (Nay là UBND phường P) ngày 30/12/2009 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, việc chị T khởi kiện li hôn đối với anh L sẽ được Tòa án xem xét và giải quyết theo thủ tục li hôn.

* Về quan hệ vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập các đương sự đến để hòa giải nhưng anh L hiện đang điều trị bệnh tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần kinh Hưng Yên, người giám hộ cho anh L là C không đến nên việc hòa giải giữa vợ chồng anh chị không tiến hành được. Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án thì thấy: Chị T và anh L sống ly thân nhau từ năm 2012, thời gian ly thân nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Bà C là người giám hộ cho anh L xác định kể từ năm 2012 chị T không còn quan tâm chăm sóc Linh, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Thuần, anh L được li hôn. Anh L và chị T đều nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được li hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu của các đương sự về việc giải quyết cho chị T và anh L được li hôn là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về con chung: Chị T, anh Linh, bà C đều xác nhận vợ chồng anh Linh, chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Nam P, sinh ngày 18/11/2010. Chị T đề nghị được nuôi cháu P; anh Linh, bà C đều đề nghị Tòa án giải quyết cho bà C được nuôi cháu P; các đương sự đều tự nguyện không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy:

Tại điều 81 luật hôn nhân - gia đình qui định trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau li hôn thuộc về cha, mẹ: Anh Linh, chị T đều có quan điểm về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P sau li hôn. Đây là các quan điểm hoàn toàn chính đáng, thể hiện trách nhiệm của anh, chị đối với cháu sau li hôn. Tuy nhiên, tại Quyết định số: 11/2020/QĐST-VDS ngày 24/8/2020, Tòa án nhân dân thị xã M đã tuyên bố anh L có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Bên cạnh đó bản thân anh L đang điều trị bệnh tại Trung tâm điều dưỡng tâm thần kinh Hưng Yên (điều trị tập trung), không có việc làm, không có thu nhập và không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P được. Chị T hiện làm công nhân có việc làm, thu nhập và nơi ở ổn định đảm bảo điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P. Mặc dù, cháu P có nguyện vọng xin được ở với bà nội nhưng để đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định cả về vật chất và tinh thần. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc giao cháu P cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu. Sau này,

nếu anh L có đủ điều kiện để nuôi con, anh L có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau li hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quan điểm của bà C xin được trực tiếp tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P. Theo qui định tại khoản 1 điều 104 luật hôn nhân - gia đình qui định thì ông, bà nội, ngoại có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu khi bản thân cháu không có người nuôi dưỡng theo qui định tại điều 105 luật hôn nhân - gia đình. Tuy nhiên, cháu P mặc dù không có anh, chị em nhưng chị T là mẹ đẻ cháu có đủ điều kiện và cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên. Do vậy quan điểm của bà C xin được trực tiếp tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P là không phù hợp.

*Về tài sản, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức: Quá trình giải quyết vụ án anh Linh, chị T và bà C đều xác định anh L chị T không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai vay nợ; anh chị không liên quan gì đến ruộng nông nghiệp và công sức nên chị Thuần, anh Linh, bà C đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Cháu P còn nhỏ và không liên quan gì đến kinh tế của anh Linh, chị T cũng như không có quan hệ vay nợ, công sức với anh chị nên cháu tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xét.

*Về trách nhiệm của vợ chồng với nhau sau khi li hôn: Nhận thấy, anh L mặc dù đang điều trị bệnh về nhận thức và điều khiển hành vi, không có khả năng lao động nuôi sống bản thân. Tuy nhiên, theo kết luận giám định sức khỏe tâm thần của Viện pháp y tâm thần trung ương thì anh L chỉ là đối tượng có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi chứ không phải là đối tượng tâm thần, mất năng lực hành vi dân sự. Bên cạnh đó việc anh L được đưa đi chữa bệnh là theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền nên toàn bộ chi phí chữa bệnh, ăn uống, sinh hoạt đều đã được Nhà nước thanh toán. Do vậy, sau li hôn chị T không phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho anh L theo qui định tại điều 115 Luật hôn nhân - gia đình.

Sau này anh L điều trị bệnh về gia đình tùy theo tình trạng sức khỏe, kinh tế khó khăn mà có lý do chính đáng nếu có yêu cầu thì giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

*Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, Điều 105 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được li hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nam P, sinh ngày 18/11/2010 cho chị Phạm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu P thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Chị T, anh L có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau li hôn.

Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không phải giải quyết.

Án phí: Buộc chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm li hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí li hôn 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004287 ngày 15/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm li hôn.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người giám hộ của bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã M ;
- Phòng KTNV & THS TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M ;
- Dương sự;
- UBND phường P;
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Hùng Vũ Thị Diệu Thúy

Trần Ngọc Lâm

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 27 tháng 10 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M , tỉnh Hưng Yên.

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Lâm

*Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Hùng

Bà Vũ Thị Diệu Thúy

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 95/2020/TLST - HNGĐ ngày 24/8/2020 về việc “Li hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/9/2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Thuân, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã H thị xã M , tỉnh Hưng Yên

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Linh, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Quan Cù, phường Phan Đình Phùng, thị xã M , tỉnh Hưng Yên. Nơi điều trị bệnh hiện nay: Trung tâm điều dưỡng tâm thần kinh tỉnh Hưng Yên (Địa chỉ: thôn Duyên Yên, xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên)

* **Người giám hộ cho anh Linh:** Bà Nguyễn Thị C (mẹ đẻ của anh Linh) (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Quan Cù, phường Phan Đình Phùng, thị xã M , tỉnh Hưng Yên.

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn:** Bà Nguyễn Thu H - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên (có mặt).

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Cháu: Nguyễn Nam Phong, sinh năm 2010 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Quan Cù, phường Phan Đình Phùng, thị xã M , tỉnh Hưng Yên

* **Đại diện theo pháp luật của cháu Phong:** Chị Phạm Thị Thuân, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã H thị xã M , tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các qui định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1/ Về điều luật áp dụng:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, Điều 105 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

2/Về quan hệ vợ chồng: Xử cho Chị Phạm Thị T được li hôn anh Nguyễn Văn Linh.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

3/Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nam Phong, sinh ngày 18/11/2010 cho chị Phạm Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu P thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Chị Thuần, anh L có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau li hôn.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

4/Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không phải giải quyết.

Sau này anh Suốt có yêu cầu về thay đổi nuôi con chung; tài sản chung, công nợ; công sức, ruộng canh tác có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác. Không đặt ra giải quyết.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

5/ Án phí: Buộc chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm li hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí li hôn 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004287 ngày 15/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm li hôn.

Hội đồng xét xử biểu quyết 03/03 = 100% ý kiến nhất trí.

6/Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người giám hộ của bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút ngày 27 tháng 10 năm 2020.

Biên bản đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Hùng Vũ Thị Diệu Thúy

Trần Ngọc Lâm

